

Kinh tế Việt Nam

Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế
Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

Lê Minh Anh

Chuyên viên phân tích
Anh.LeMinh@mbs.com.vn

- **Lạm phát tháng 10/2022 tăng nhẹ so với tháng trước. Chỉ số CPI tăng 0,15% so với tháng trước và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2020. Bình quân 10 tháng năm 2022, CPI tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,14%.**
- **Tính chung 10 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 9,4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,63 tỷ USD).**
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 10T/2022 tăng 9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 3,8%). Chỉ số Quản trị nhà mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global ghi nhận giảm từ 52.5 điểm tháng 9 còn 50.6 điểm trong tháng 10.**
- **Tính chung 10 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 387,7 nghìn tỷ đồng, bằng 67,1% kế hoạch năm và tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước.**
- **NHNN bơm ròng tiền khá mạnh trong thời gian vừa qua, khi tỷ giá USD/VND có phần hạ nhiệt. NHNN đã điều chỉnh mức giá bán USD từ mức 24.870 đồng xuống còn 24.860 đồng. Tốc độ giảm của lần này khá chậm, chỉ 10 đồng, trong khi những đợt tăng trước đó từ 200 - 490 đồng/USD. Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do hiện giao dịch ở mức 25.000 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.667 đồng/USD và 24.211 đồng/USD.**

Hoạt động kinh tế

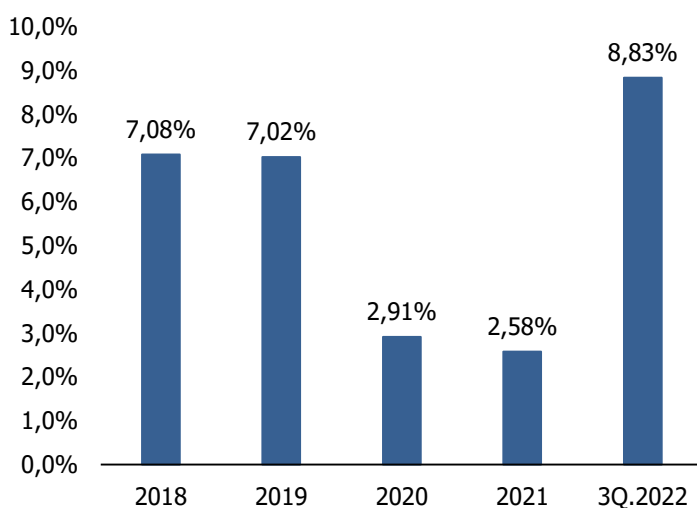
Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2022 tăng 0,15% so với tháng trước; tăng 4,16% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,3%. Bình quân 10 tháng năm 2022, CPI tăng 2,89% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,14%, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 2,89%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm và giá xăng, dầu.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 9 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; 2 nhóm hàng giảm giá. Trong đó, nhóm giáo dục tháng 10/2022 tăng cao nhất với 10,64% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng học phí năm học 2022-2023. Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,42% do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và nhà ở thuê tăng. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 5,13%, chủ yếu do dịch Covid-19 được kiểm soát, dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 6,6%; giá lương thực tăng 2,41% và thực phẩm tăng 5,02%. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 4,85% do dịch Covid-19 được kiểm soát, giá tour, khách sạn, nhà hàng tăng khi nhu cầu du lịch trong nước tăng. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,6% chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển và tỷ giá tăng. Nhóm giao thông tháng 10/2022 tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng Mười tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 2,27%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 3,11%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,51%.

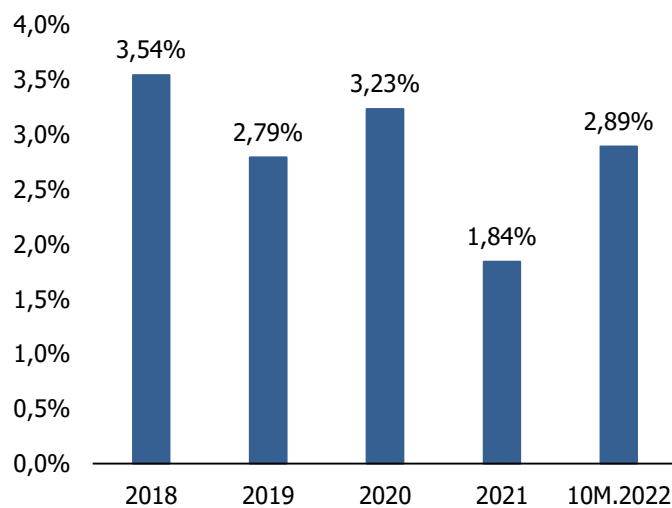
Ở chiều ngược lại, chỉ nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,17% do giá phụ kiện điện thoại thông minh giảm.

Tăng trưởng GDP (n/n) của Việt Nam



Nguồn: TCTK.

Lạm phát bình quân 5 năm gần đây của Việt Nam



Nguồn: TCTK.

Hoạt động thương mại

Trong 10 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 616,24 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 312,8 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 303,42 tỷ USD, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 9,4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,63 tỷ USD).

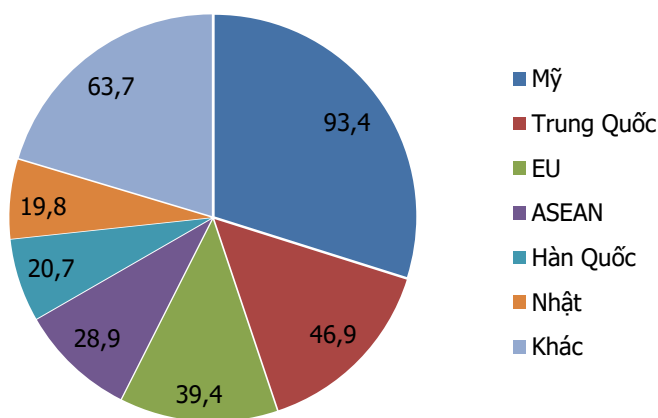
Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 93,4 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 29,8% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Tiếp đến là thị trường Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu ước đạt 46,9 tỷ USD, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sang thị trường EU ước đạt 39,4 tỷ USD, tăng 22,3%; Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 100,67 tỷ USD tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm, nhóm nông, lâm, thủy sản ước tính đạt 25,8 tỷ USD (+13,9% n/n), chiếm 8,2% tổng kim ngạch xuất khẩu, trở thành điểm sáng trong xuất khẩu chung của cả nước. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến trong 10 tháng tiếp tục đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng trưởng chung của hoạt động xuất khẩu với kim ngạch ước đạt 269,5 tỷ USD (+16% n/n) và chiếm 86% trong tổng kim ngạch xuất khẩu chung. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nhiên liệu khoáng sản trong 10 tháng năm 2022 mặc dù có xu hướng chậm lại nhưng tiếp tục là nhóm hàng đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, xuất khẩu xăng dầu, than đá và quặng, khoáng sản khác tăng cao do giá các mặt hàng này tăng cao (xuất khẩu than đá tăng 100,7%; dầu thô tăng 19%; xăng dầu các loại tăng 35,8%).

Trong 10 tháng năm 2022, nhóm hàng cần nhập khẩu đạt 269 tỷ USD, chiếm 88,7% tổng kim ngạch nhập khẩu, (+12,2% n/n); nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu ước đạt 18,6 tỷ USD, chiếm 11,3% tổng kim ngạch nhập khẩu và tăng (+14,7% n/n).

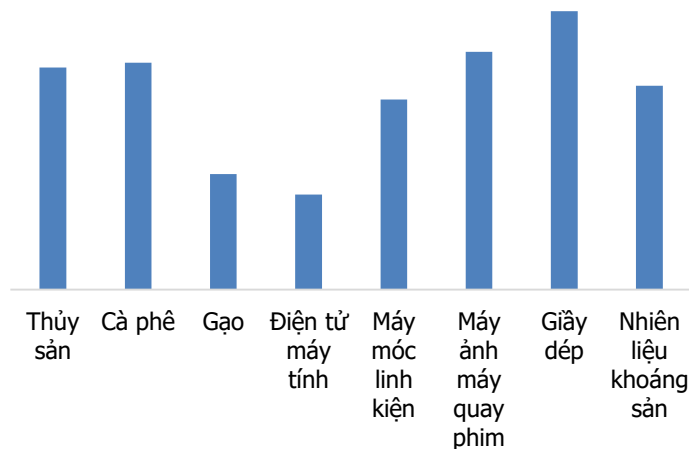
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười ước đạt 486,4 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 10T.2022 (tỷ USD)



guồn: TCTK.

Tăng trưởng mặt hàng XK chính của VN 10T.2022 (%n/n)



guồn: TCTK.

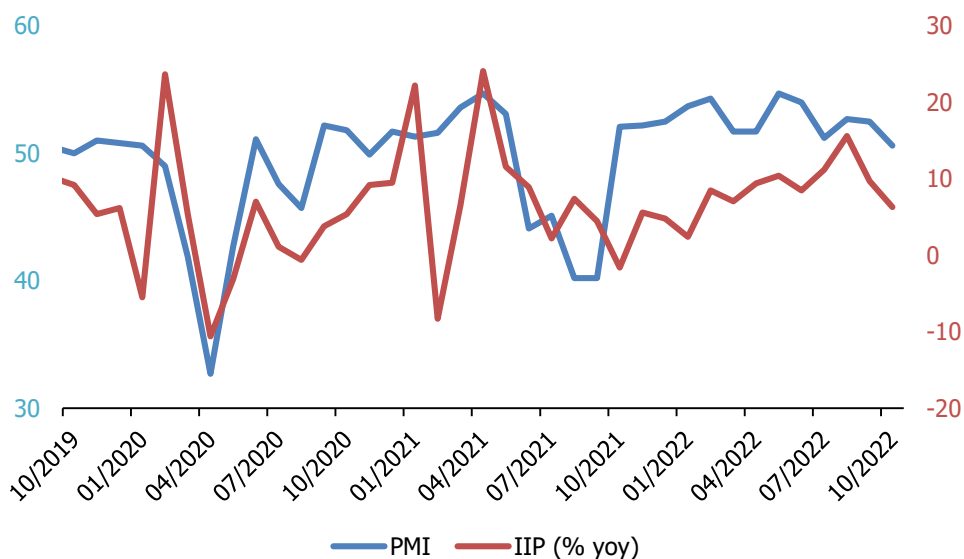
Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 10 ước tăng 3% so với tháng trước và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 10T/2022 tăng 9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 3,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,1%); ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,8%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,6%; ngành khai khoáng tăng 5%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

PMI trong tháng 10/2022 đạt trên 50,6 điểm cho thấy, về tổng thể các điều kiện hoạt động trong tháng vẫn cải thiện, nhưng kết quả này là mức thấp nhất trong 13 tháng gần đây. Chỉ số thể hiện 3 điểm đáng chú ý: Nhu cầu thấp hơn dẫn đến sự gia tăng đơn đặt hàng mới yếu hơn; Tăng trưởng sản lượng, việc làm và mua hàng tăng nhẹ; Áp lực lạm phát vẫn được duy trì.

Tổng số lượng đơn đặt hàng mới chỉ tăng nhẹ, với mức tăng ít nhất từ khi bắt đầu thời kỳ tăng hiện nay vào tháng 10/2021. Điều này cho thấy nhu cầu giảm dần, bao gồm cả xuất khẩu cũng tăng với tốc độ chậm hơn. Hoạt động mua hàng hóa đầu vào tăng ở mức thấp nhất trong bảy tháng, trong khi tốc độ tạo việc làm chậm nhất kể từ tháng 7. Tuy nhiên, số lượng nhân viên vẫn tăng ổn định trong tháng, từ đó góp phần làm giảm lượng công việc tồn đọng khi số lượng đơn đặt hàng mới tăng chậm hơn đồng nghĩa với việc năng lực sản xuất không phải chịu áp lực.

Chỉ số PMI sản xuất và IIP (% so với cùng kỳ) của Việt Nam



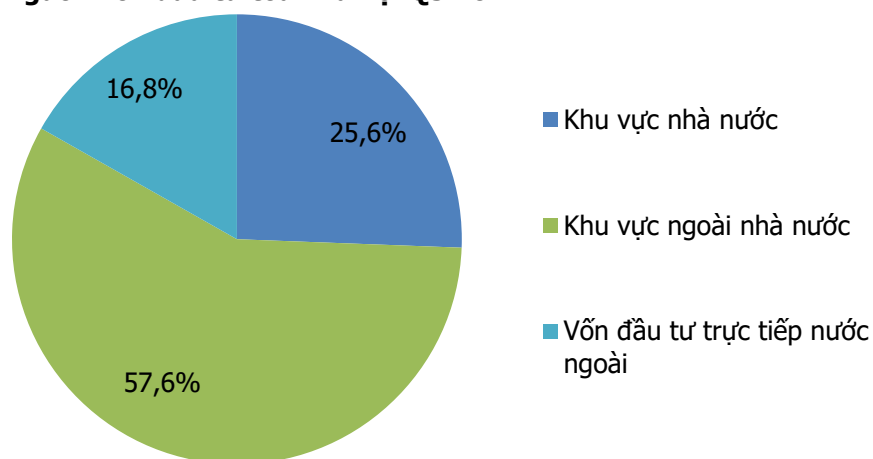
Nguồn: Bloomberg.

Đầu tư

Trong tháng 10, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 53,6 nghìn tỷ đồng, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 10 tháng năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 387,7 nghìn tỷ đồng, bằng 67,1% kế hoạch năm và tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 bằng 64,7% và giảm 8,3%).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện 10 tháng năm 2022 ước tính đạt 17,45 tỷ USD, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất của 10 tháng trong 5 năm qua. Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 10 tháng năm 2022 có 90 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 390,1 triệu USD, gấp 1,8 lần so với cùng kỳ năm trước; có 19 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 61,9 triệu USD, giảm 85,5%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 452,1 triệu USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư toàn xã hội Q3.2022



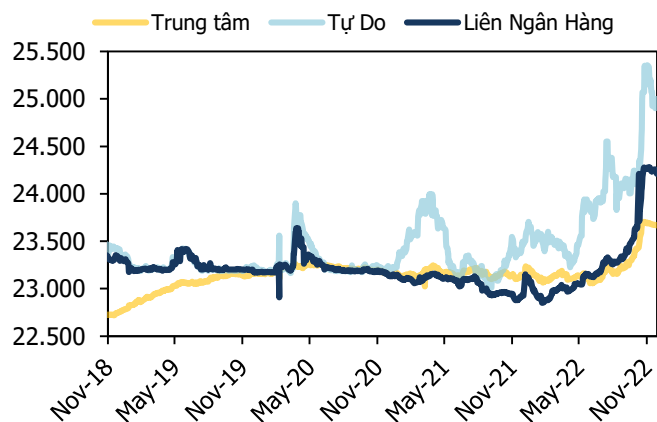
Nguồn: TCTK.

Tỷ giá

NHNN bơm ròng tiền khá mạnh trong thời gian vừa qua, khi tỷ giá USD/VND có phần hạ nhiệt. NHNN đã điều chỉnh mức giá bán USD từ mức 24.870 đồng xuống còn 24.860 đồng. Tốc độ giảm của lần này khá chậm, chỉ 10 đồng, trong khi những đợt tăng trước đó từ 200 - 490 đồng/USD. Tỷ giá VND/USD trên thị trường tự do hiện giao dịch ở mức 25.000 đồng/USD. Tỷ giá trung tâm và liên ngân hàng lần lượt giao dịch ở mức 23.667 đồng/USD và 24.211 đồng/USD.

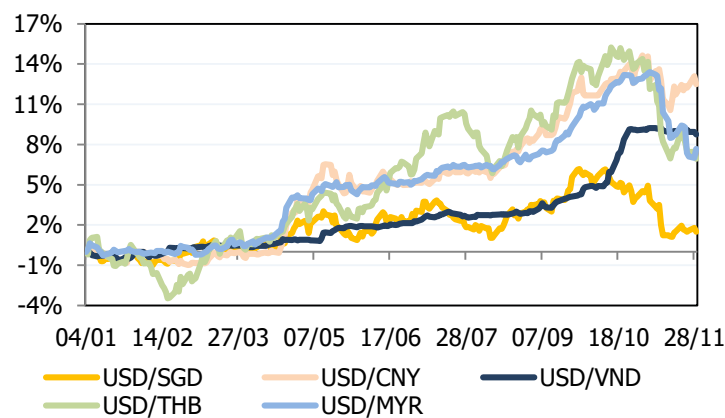
Chỉ số USD Index giảm xuống mức 106,66. Đồng USD đã giảm mạnh sau khi giá tiêu dùng của Mỹ tăng ít hơn dự kiến vào tháng trước và cho thấy lạm phát cơ bản đã đạt đỉnh. Cụ thể, CPI của Mỹ đã tăng 7,7% trong tháng 10, tốc độ chậm nhất trong 9 tháng qua, cho thấy loạt tăng lãi suất mạnh của Fed trong năm nay cuối cùng đã đạt được hiệu quả mong muốn. Dữ liệu này có thể cho phép Fed giảm bớt việc tăng lãi suất mạnh mẽ. Thị trường hiện đang kỳ vọng Fed sẽ bớt thắt chặt chính sách tiền tệ và đặt cược khả năng 71,5% Fed nâng lãi suất 0,5 điểm phần trăm trong cuộc họp tháng 12.

Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg

Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg

Các chỉ số kinh tế Việt Nam

Các chỉ tiêu kinh tế	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	193,2	205,3	223,8	245,2	262,4	270,0	277
Tăng trưởng GDP thực (%)	6,7	6,2	6,8	7,1	7,0	2,91	2,51
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	7,9	9,0	21,8	13,2	8,4	6,5	19,0
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	12,0	5,6	21,9	11,1	6,8	3,6	26,5
Dân số (triệu người)	92,7	93,6	94,6	95,5	96,4	97,7	98,5
GDP/đầu người (USD)	2.086	2.172	2.353	2.551	2.740	2.750	2.800
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,33	2,33	2,2	2,2	2,2	2,9	3,22
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	49,2	52,7	51,7	50	49,2	51,5	39,5
Nợ công	61	63,7	61,4	58,4	56,1	58,7	43,7
Nợ nước ngoài	42	44,8	48,9	46	45,8	47,0	47,1
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	22.485	22.740	22.690	23.180	23.228	23.115	23.145
Lạm phát (%)	0,6	2,7	3,5	3,5	2,8	3,23	1,94
Tăng trưởng tín dụng (%)	17,1	18,7	18,2	13,9	12,1	11	13,5
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8	7,5
Cán cân thương mại (triệu USD)	-3.759	1.602	1.903	6.795	11.100	19.100	4.080
Hàng hóa: Xuất khẩu (triệu USD)	162.017	176.581	215.119	243.483	264.200	267.100	336.310
Hàng hóa: Nhập khẩu (triệu USD)	165.776	174.978	213.215	236.688	253.100	251.000	332.250
Cán cân vãng lai (triệu USD)	-119	5.924	4.676	5.844	5.435	5.266	5.100
Tổng dự trữ ngoại hối (triệu USD)	28.616	36.906	49.497	54.491	79.000	100.000	110.000

Nguồn: MBS tổng hợp.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

KHOẪI NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. Khối Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: + 84 24 7304 5688 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.